

Bản án số: **06/2020/KDTM-ST**
Ngày: 15-5-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Vui

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST- KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty Đ.L.

Địa chỉ: T.D.T, phường B.N, Quận Q, TP.HCM.

Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Tổng công ty Đ.L - Công ty điện lực B.P.

Địa chỉ: K.D.V, Phường D, Quận Y, TP.HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông N.T.T, sinh năm: 1969, theo Giấy ủy quyền số 2801/UQ-PCBP ngày 17/12/2018(có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông L.T.H - Chủ hộ kinh doanh H.D;

Địa chỉ: H.G, Phường Y, Quận Y, TP.HCM. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019, bản tự khai ngày 21/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Tổng công ty Đ.L do ông N.T.T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông L.T.H làm chủ Hộ kinh doanh H.D có ký hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013, mã khách hàng: PE06000211376 với Tổng công ty Đ.L mục đích kinh doanh Dịch vụ INTERNET tại địa chỉ 1H.G, Phường Y, Quận Y,

TP.HCM.

Trong quá trình sử dụng điện, ông L.T.H đã nợ 02 tháng tiền điện (tháng 9/2018 + tháng 10/2018) và không thanh toán cho Nguyên đơn với tổng số tiền là 7.834.347(bảy triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị ông L.T.H làm đại diện Hộ Kinh doanh H.D thanh toán số tiền điện chưa thanh toán trên, nhưng đến nay Hộ Kinh doanh H.D do ông L.T.H làm đại diện vẫn không thanh toán.

Nay yêu cầu ông L.T.H – chủ hộ kinh doanh H.D thanh toán cho Tổng công ty Đ.L tổng số tiền là 7.834.347(bảy triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ là hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013 được ký kết giữa Chi nhánh Tổng công ty điện lực Tp. Hồ Chí Minh – công ty điện lực Bình Phú và Hộ kinh doanh H.D, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 21/8/2013. Các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty điện lực Bình Phú phát hành cho Hộ kinh doanh H.D, nên có cơ sở xác định thực tế giữa hai bên có hoạt động mua – bán điện. Giao dịch của các bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật.

Nhưng theo lời khai của nguyên đơn, phía hộ kinh doanh H.D do ông L.T.H đại diện đã không thanh toán 02 tháng tiền điện (tháng 9+10/2018) cho nguyên đơn với tổng số tiền là 7.834.347đồng.

Về phía bị đơn, vắng mặt trong những lần Tòa mở phiên họp hòa giải nên không cung cấp lời khai và chứng cứ có lợi cho mình. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn là Hộ kinh doanh H.D do ông L.T.H là đại diện phải trả 02 tháng tiền điện (tháng 9 và tháng 10/2018) còn thiếu với tổng số tiền 7.834.347 đồng là phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015, Điều 50, Điều 55, Điều 56 Luật Thương mại:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 13/000375 ngày 21/8/2013, mã khách hàng: PE06000211376, trong hợp đồng xác định bị đơn có địa chỉ là *H.G Phường Y, Quận Y, TP.HCM*, căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an Phường Y, Quận Y thì: “*Đương sự L.T.H đăng ký hộ khẩu thường trú tại H.G Phường Y, Quận Y, hiện đang cư trú tại địa phương*”, hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 13/000375 ngày 21/8/2013 xác định mục đích là để kinh doanh. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 13/8/2019, 06/3/2020 cũng như tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 30/3/2020 và 15/5/2020 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 13/000375 ngày 21/8/2013, mã khách hàng PE06000211376:

Căn cứ hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013, mã khách hàng: PE06000211376, được ký kết giữa Tổng công ty Đ.L với Ông L.T.H - Chủ hộ kinh doanh H.D để sử dụng cho mục đích kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại địa chỉ 1H.G, Phường Y, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm 7.2.2, khoản 7.2, Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013 về nghĩa vụ của Bên mua điện(bên bị đơn): “*Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện*”.

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (tiền điện) số 1603766 đợt 1 tháng 9/2018 kỳ 10/2018 từ ngày 17/8/2018 đến ngày 16/9/2018 và Hóa đơn giá trị gia tăng (tiền điện) số 1843188 đợt 1 tháng 10/2018 kỳ 11/2018 từ ngày 17/9/2018 đến ngày 16/10/2018; Căn cứ vào Thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 08/10/2018 và 09/10/2018 của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực, nguyên đơn đã thực hiện việc thông báo cụ thể số tiền nợ của các kỳ thanh toán, bị đơn đã nhận được đầy đủ các thông báo trên nhưng không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm 7.2.2, khoản 7.2, Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng trong đó gồm: các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nêu trên cho nguyên

đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 7.834.347(bảy triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc Ông L.T.H - Chủ hộ kinh doanh H.D trả cho Tổng công ty Đ.L số tiền còn nợ 02 tháng phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 13/000375 ngày 21/8/2013, mã khách hàng: PE06000211376 là: 7.834.347(bảy triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông L.T.H - Chủ hộ kinh doanh H.D phải chịu án phí là: 3.000.000(ba triệu)đồng.

- Hoàn trả lại cho Tổng công ty Đ.L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.000.000(ba triệu)đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0011073 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y.

3/ Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang